



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Dược Hậu Giang

Ngày 31/12/2025	102,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.4%	0.4%	0.7%

DT thuần Q4/25
1,742
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 596 52.0%
YoY: ▲ 283 19.4%

LN thuần Q4/25
233
tỷ VNĐ
QoQ: ▼7.00 -2.9%
YoY: ▼98.0 -29.6%

LN sau thuế Q4/25
185
tỷ VNĐ
QoQ: ▼25.0 -12.0%
YoY: ▼23.0 -11.2%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
19.9%
YoY: +/-▲ 0.8%

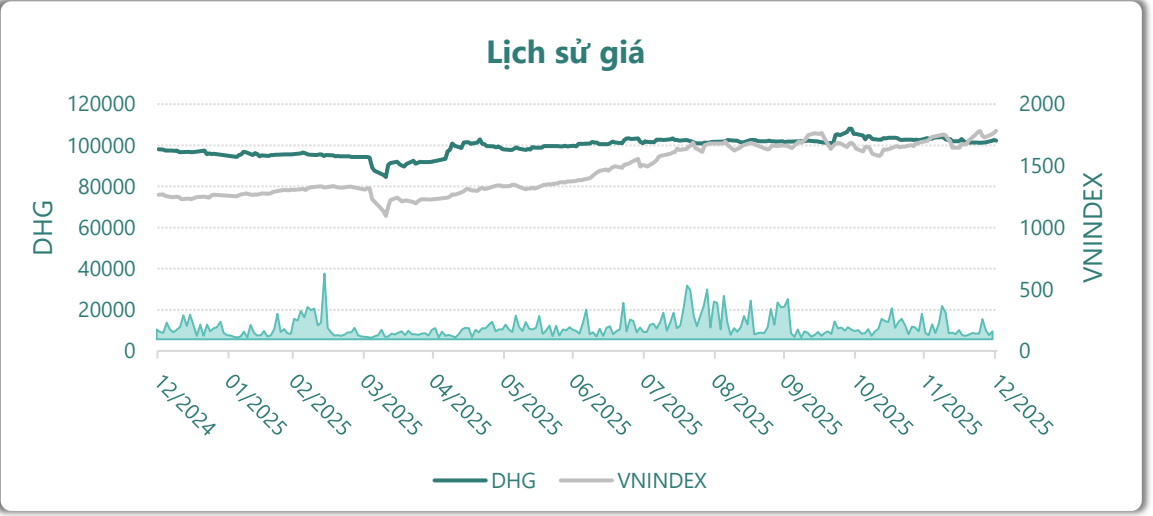
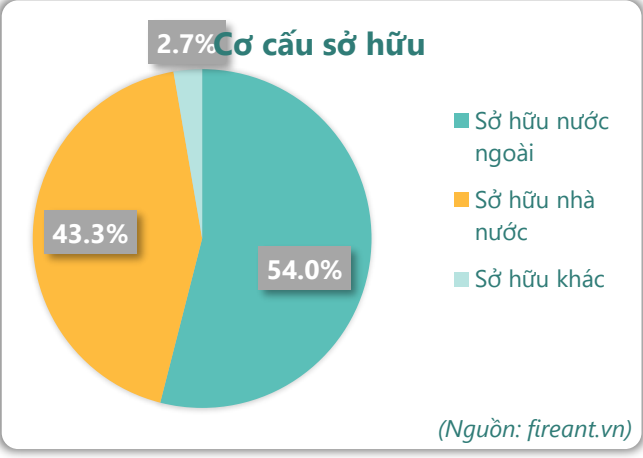
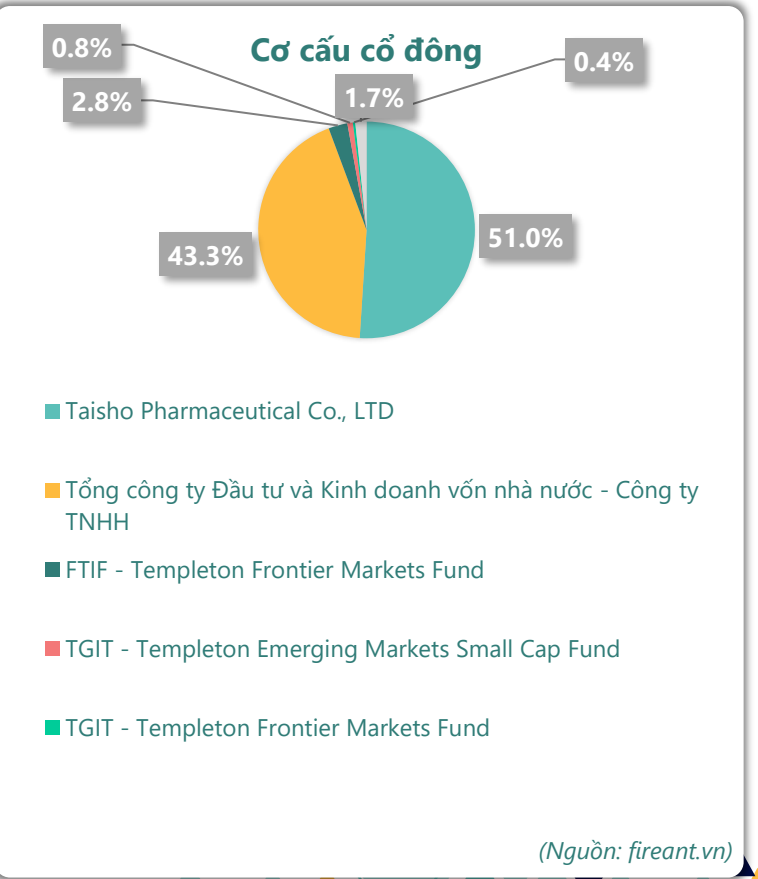
ROE 2025
21.7%
YoY: +/-▲ 4.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	84,552 - 108,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,375
Số lượng CPLH (CP)	130,746,071
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20,155
Sở hữu nước ngoài	54.0%
Beta	0.16
EPS	6,865
P/E	14.9

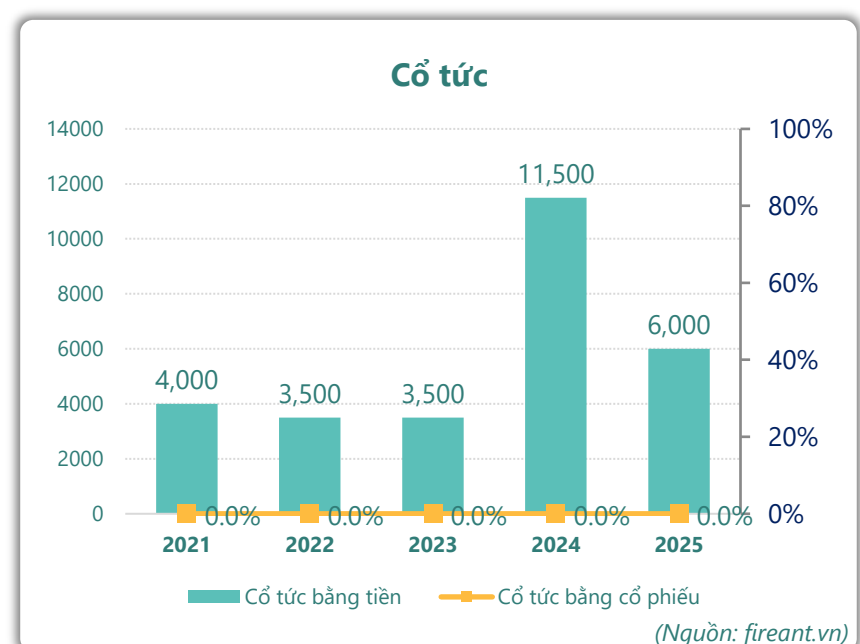
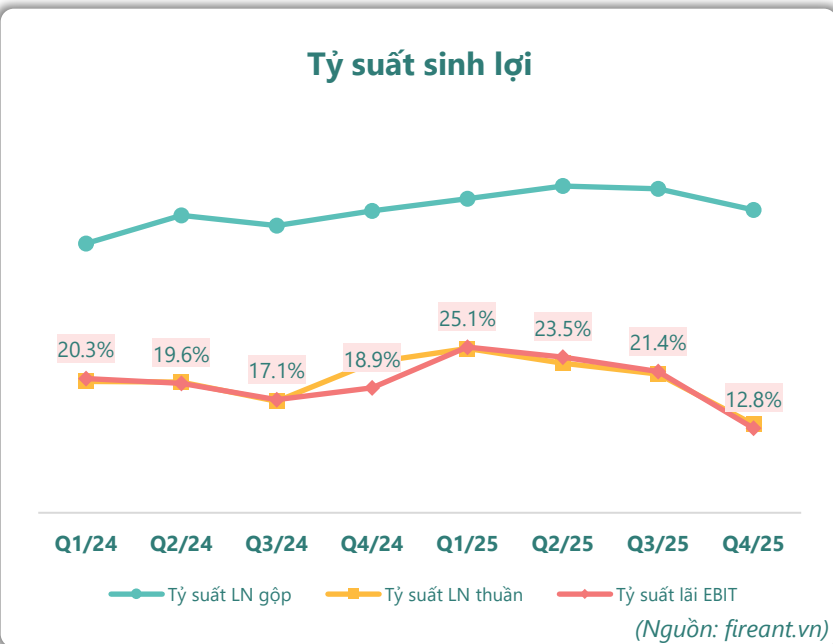
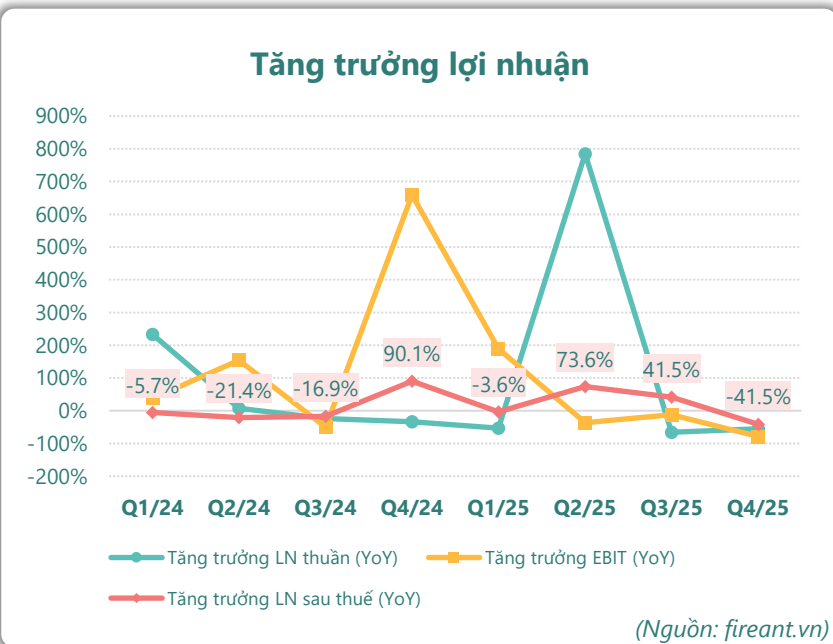
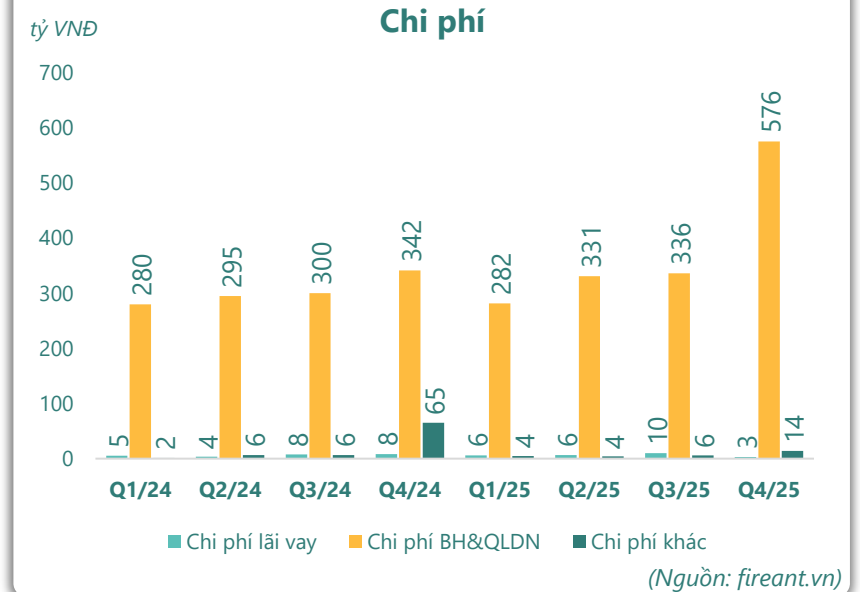
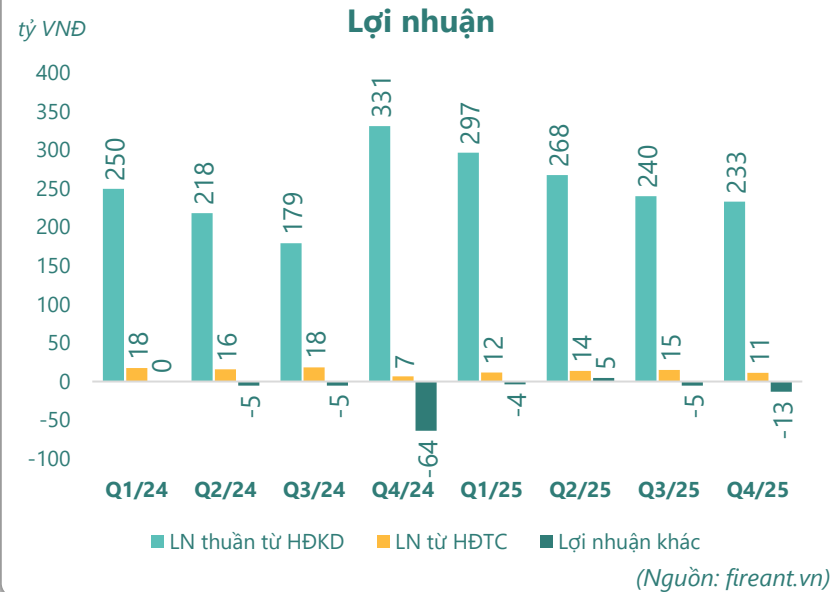
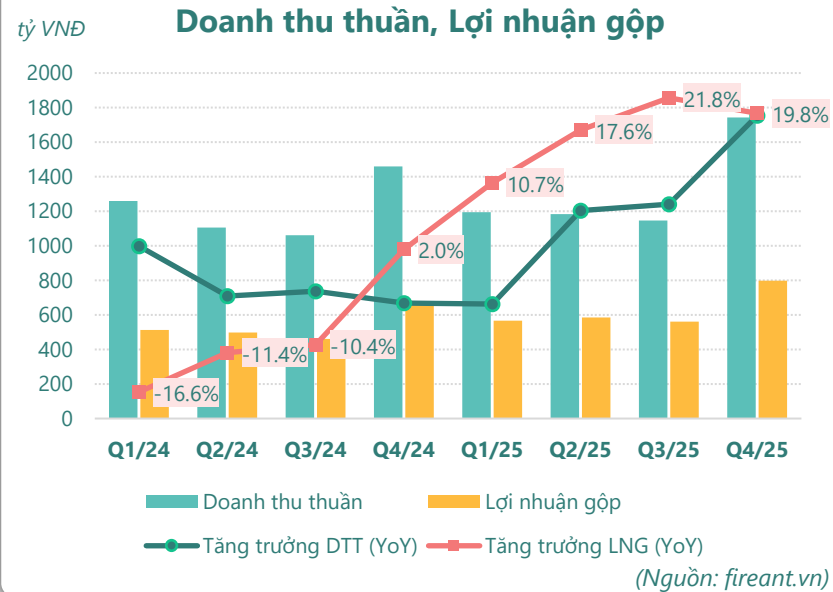
DT thuần 2025
5,267
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 382 7.8%

LN thuần 2025
1,038
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 59.0 6.1%

LN sau thuế 2025
898
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 119 15.2%



KẾT QUẢ KINH DOANH



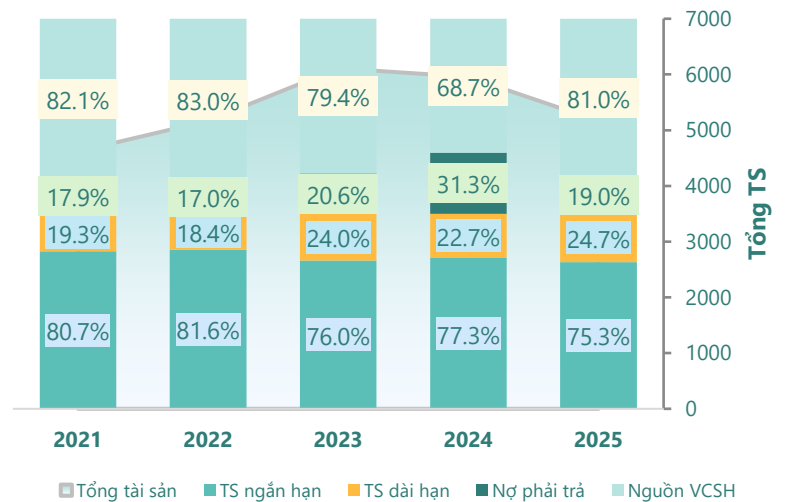


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

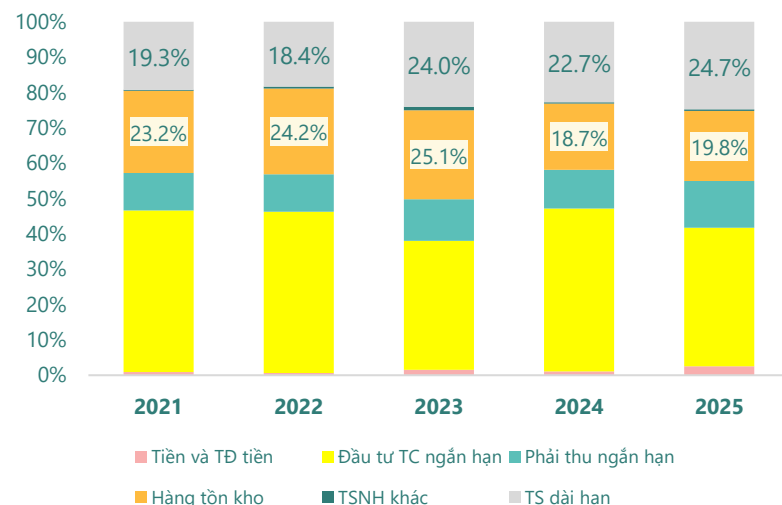
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

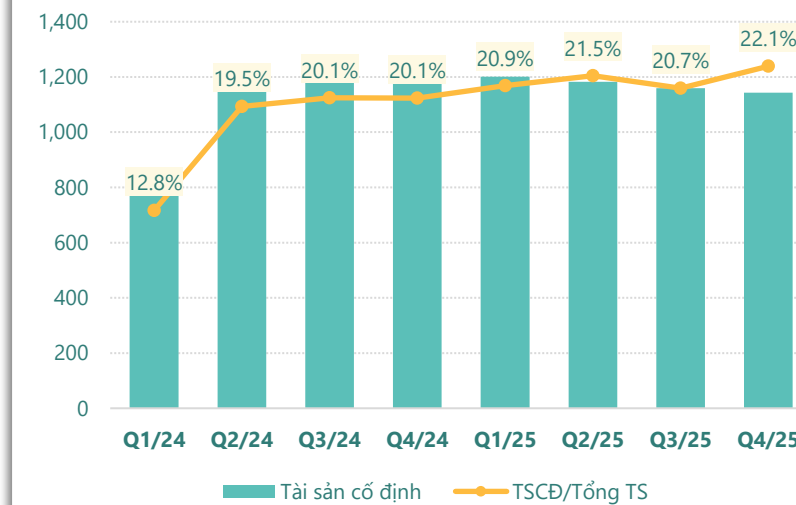
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

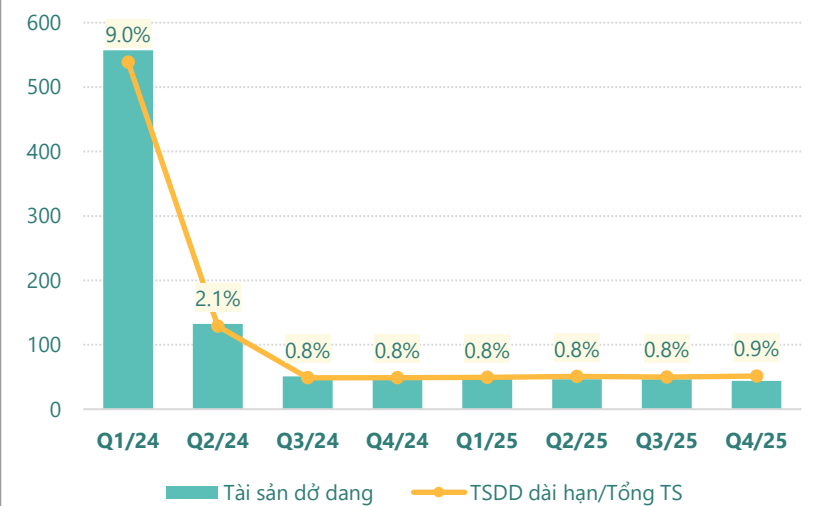
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

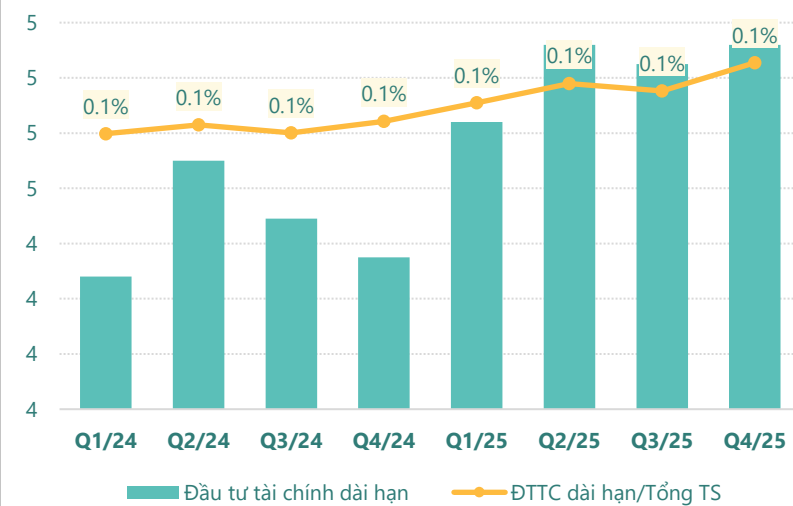
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

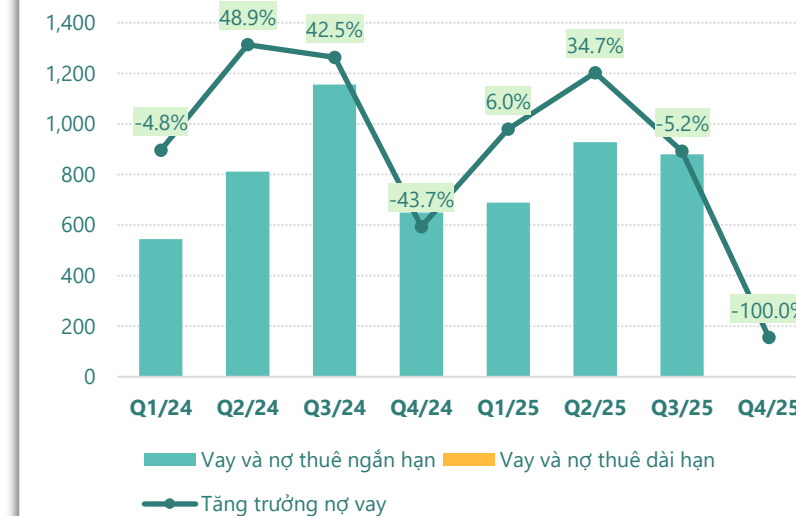
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

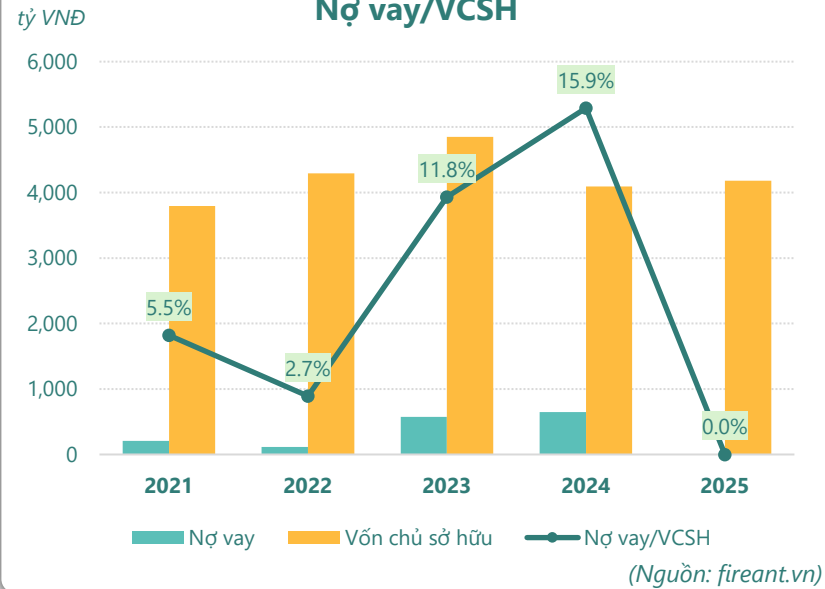


(Nguồn: fireant.vn)

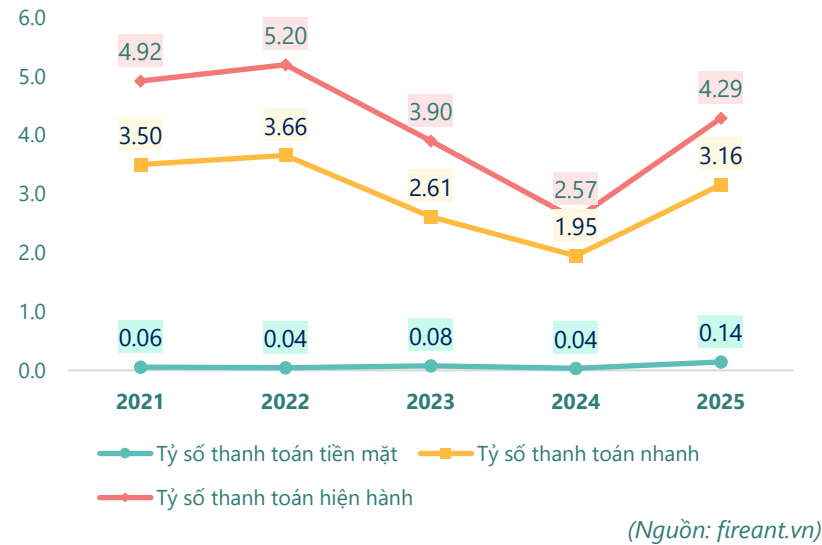


HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

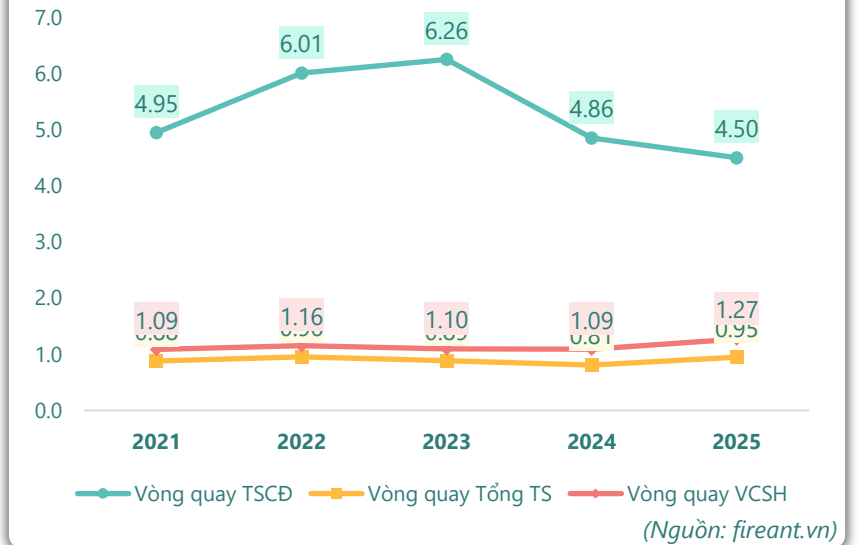
Nợ vay/VCSH



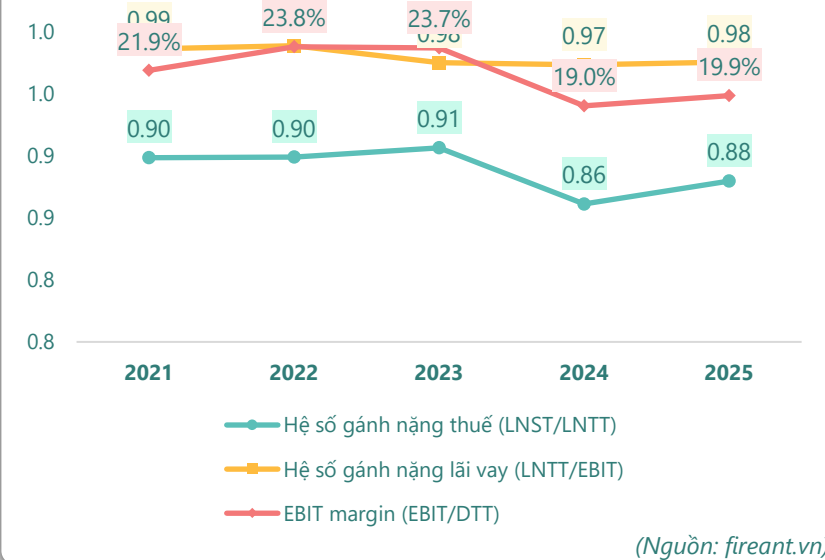
Chỉ số thanh khoản



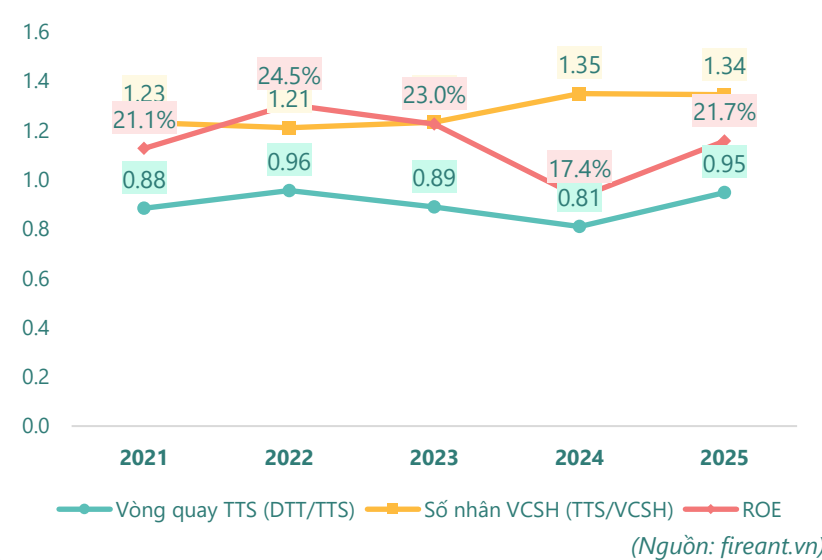
Vòng quay tài sản



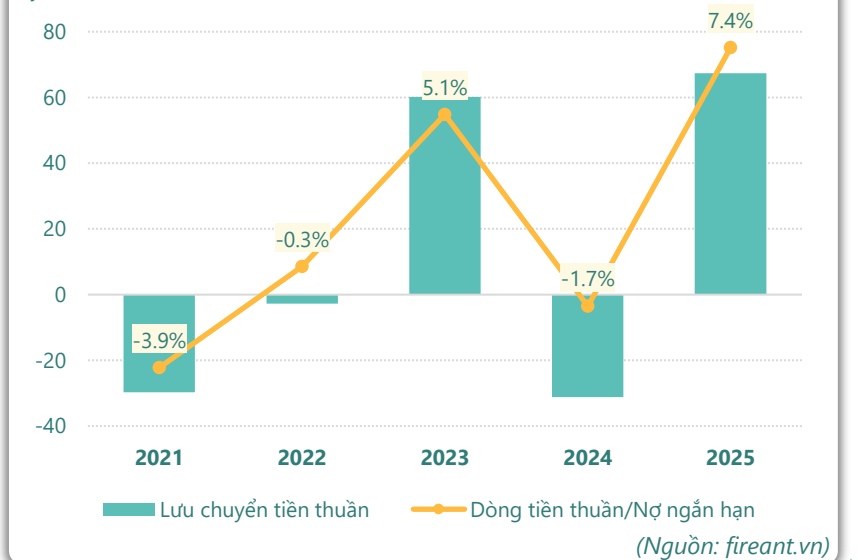
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Vòng quay tài sản và ROE



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,742	1,459	19.4%	5,267	4,885	7.8%
Giá vốn hàng bán	944	792	19.2%	2,755	2,747	0.3%
Lợi nhuận gộp	798	666	19.8%	2,512	2,138	17.5%
Doanh thu HĐTC	29.2	35.6	-17.9%	133	148	-10.0%
Chi phí TC	18.1	29.0	-37.5%	81.6	89.7	-9.1%
Chi phí lãi vay	3.00	8.22	-63.5%	25.6	24.8	3.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	446	258	72.9%	1,157	905	27.9%
Chi phí QLDN	130	83.4	55.7%	369	313	17.9%
LN thuần từ HĐKD	233	331	-29.6%	1,038	979	6.1%
Lợi nhuận khác	-13.3	-63.7	79.2%	-17.7	-74.2	76.1%
LN trước thuế	220	267	-17.7%	1,020	904	12.8%
Lợi nhuận sau thuế	185	208	-11.2%	898	779	15.2%
LNST của CĐ cty mẹ	185	208	-11.2%	898	779	15.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	239	476	352	368	56.7	448
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-111	15.9	220	108	218	256
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-113	-505	-484	-546	-48.3	-879
Tiền đầu kỳ	61.6	76.4	62.9	150	80.3	306
Lưu chuyển tiền thuần	15.1	-13.7	87.1	-69.7	226	-176
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.28	0.13	0.07	0.00	-0.14	-0.22
Tiền cuối kỳ	76.4	62.9	150	80.3	306	130

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,166	5,959	-13.3%
Tài sản ngắn hạn	3,887	4,604	-15.6%
Tiền và tương đương tiền	130	62.9	107%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,024	2,745	-26.3%
Phải thu ngắn hạn	683	657	4.0%
Hàng tồn kho	1,025	1,115	-8.1%
Tài sản ngắn hạn khác	26.0	24.0	8.4%
Tài sản dài hạn	1,278	1,355	-5.7%
Phải thu dài hạn	5.61	0.21	2636%
Tài sản cố định	1,143	1,196	-4.4%
Bất động sản đầu tư	29.9	30.7	-2.6%
Tài sản dở dang	44.2	48.6	-9.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.63	4.44	4.3%
Tài sản dài hạn khác	51.3	75.4	-32.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	983	1,864	-47.3%
Nợ ngắn hạn	906	1,790	-49.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	650	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	392	167	134%
Nợ dài hạn	77.2	74.2	4.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,182	4,095	2.1%
Vốn chủ sở hữu	4,182	4,095	2.1%
Vốn điều lệ	1,307	1,307	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

